ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM BẢO TRỢ XÃ HỘI TIỀN GIANG
Mã QHNS: 1012141

BÁO CÁO CÔNG KHAI TÀI CHÍNH
TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ TOÁN THU - CHI CÁC NGUỒN KINH PHÍ TẠI ĐƠN VỊ
Tháng 05 năm 2026

1. DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO

Mã nguồn NSNN	Kinh phí năm trước chuyển sang	Dự toán được giao đầu năm	Dự toán giao bổ sung	Dự toán được điều chỉnh trong năm	Tổng dự toán giao năm 2026	Dự toán đã sử dụng		Dự toán còn lại
						Tháng 05/2026	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo	
12	0	29.483.408.000	0	0	29.483.408.000	2.289.083.284	9.878.583.987	19.604.824.01
13	1.932.114.169	0	0	-84.593.200	1.847.520.969	0	0	1.847.520.96
18		712.800.000		0	712.800.000		0	712.800.00
Cộng	**1.932.114.169**	**30.196.208.000**	**0**	**-84.593.200**	**32.043.728.969**	**2.289.083.284**	**9.878.583.987**	**22.165.144.98**

2. TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC: 3713.0.1012141

STT	CÁC LOẠI TIỀN GỬI	Số dư tháng trước mang sang	Phát sinh tăng (thu)	Phát sinh giảm (chi)	Số dư còn lại đến cuối tháng	Ghi chú
2.1	+ Quỹ Khen thưởng (94005)	165.506	-		165.506	
2.2	+ Quỹ Phúc lợi (94006)	487.210	-	-	487.210	
2.3	+ Quỹ bổ sung thu nhập (94007)	120.041.475	-	-	120.041.475	
2.4	+ Quỹ PTHĐSNo (94001)	127.761.363		9.416.000	118.345.363	
2.5	+ Quỹ khác (94000)	-	3.510.000	3.510.000	-	LĐ tập thể XS
Tổng cộng		**248.455.554**	**3.510.000**	**12.926.000**	**239.039.554**	

3. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG
Tài khoản: 7100525784 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN - CN Tiền Giang (BIDV).

STT	TIỀN GỬI	Số dư tháng trước mang sang	Phát sinh có (thu)	Phát sinh nợ (chi)	Số dư còn lại đến cuối tháng	Ghi chú
3.1	Tiền gửi từ thiện : 7100.525.784	500.000.000	-	-	500.000.000	
3.2	Tiền gửi từ thiện (không kỳ hạn):	244.918.023	40.808	0	244.958.831	Phát sinh tăng: +Tiền lãi:40.808đ Phát sinh giảm: 0đ
Tổng cộng		**744.918.023**	**40.808**	**-**	**744.958.831**	

4. QUỸ TIỀN MẶT TẠI ĐƠN VỊ (đến 31/05/2026)

STT	CÁC LOẠI QUỸ TIỀN MẶT	Số dư tháng trước mang sang	Phát sinh tăng (thu)	Phát sinh giảm (chi)	Số dư còn lại đến cuối tháng	Ghi chú
4.1	TM-1111.2: Tiền mặt không tự chủ	1.523.200	88.981.665	88.791.265	1.713.600	Thu, chi tiền nằm viện của ĐT.
4.2	TM-1111.3: Tiền từ thiện đối tượng	5.326.738	117.527.500	87.185.200	35.669.038	+ thu: từ thiện hỗ trợ, th tạm ứng + chi: tạm ứng tiền nằm viện ĐT Thông, Tâm kc BHYT
4.3	TM-1111.4: Tiền mặt tiền gửi (tiền gửi kho bạc	-	-	-	-	
4.4	TM111.5: Dịch vụ	5.452.600	-	-	5.452.600	
4.5	TM-1111.6: Tiền nuôi dưỡng (ăn) Đối tượng	5.171.250	2.400.000	-	7.571.250	
4.6	TM-1111.7: Tiền giữ hộ của đối tượng	117.210.000	5.310.000	1.000.000	121.520.000	
Tổng cộng		**134.683.788**	**214.219.165**	**176.976.465**	**171.926.488**	

5. QUỸ TIỀN MẶT TẠI ĐƠN VỊ (đến hết ngày 14/06/2026)

STT	CÁC LOẠI QUỸ TIỀN MẶT	Số dư tháng trước mang sang	Phát sinh tăng (thu)	Phát sinh giảm (chi)	Số dư còn lại đến ngày công khai	Ghi chú
5.1	TM-1111.2: Tiền mặt không tự chủ	1.713.600	55.518.002	55.327.602	1.904.000	Thu, chi tiền nằm viện của ĐT
5.2	TM-1111.3: Tiền từ thiện đối tượng	35.669.038	61.000.000	55.612.500	41.056.538	Rút tiền gửi NH nhập quỹ T 50ttrđ
5.3	TM-1111.4: Tiền gửi KB: rút TM về chi (PL)	-	-	-	-	
5.4	TM111.5: Dịch vụ	5.452.600	-	-	5.452.600	
5.5	TM-1111.6: Tiền nuôi dưỡng (ăn) Đối tượng	7.571.250	2.400.000	4.675.400	5.295.850	
5.6	TM-1111.7: Tiền giữ hộ của đối tượng	121.520.000	4.150.000	1.600.000	124.070.000	
Tổng cộng		**171.926.488**	**123.068.002**	**117.215.502**	**177.778.988**	

Ngày 15 tháng 06 năm 2026

Người báo cáo

Đặng Thị Mỹ Oanh

Thủ trưởng đơn vị

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM BẢO TRỢ XÃ HỘI TIỀN GIANG

Nguyễn Hoàng Sĩ